

## BÀI 3. PHIẾU BÀI TẬP

BÀI TẬP TRƯỚC KHI LÊN LỚP: Bài 3.1

BÀI TẬP THỰC HIỆN TRÊN LỚP: Theo dõi bài giảng trên lớp.

BÀI TẬP SAU KHI LÊN LỚP: Bài 3.2 đến 3.6

<b>Bài tập 3.1.</b> Bài tập Cộng trừ nhân chia.....	1
<b>Bài tập 3.2.</b> Giải phương trình bậc 2 .....	5
<b>Bài tập 3.3.</b> Ý nghĩa Adapter? .....	6
<b>Bài tập 3.4.</b> Ý nghĩa custom layout .....	6
<b>Bài tập 3.5.</b> Phân biệt các container thường dùng .....	6
<b>Bài tập 3.6.</b> Ý nghĩa của điều khiển DatePicker , TimePicker .....	6

### Bài tập 3.1. Bài tập Cộng trừ nhân chia

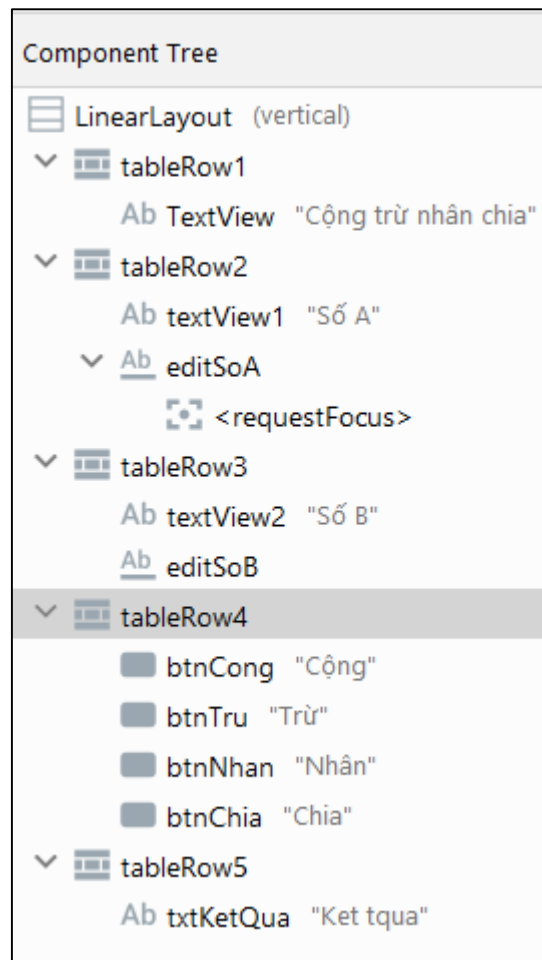
#### Yêu cầu:

Viết chương trình tính giá trị biểu thức theo các số A, B nhập vào hai ô EditText. Kết quả tính toán hiển thị ô TextView cuối màn hình

Thêm 1 nút lệnh Đóng. Nếu chọn nút lệnh này hiển thị hội thoại thông báo có chắc chắn đóng màn hình không. Nếu chọn có thì đóng ứng dụng. Nếu chọn không, thì màn hình vẫn hiển thị và không làm gì.

#### Hướng dẫn thực hiện:

- Thiết kế giao diện: Cây cấu trúc giao diện.



Activiy\_main.xml

```
<LinearLayout
xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"
xmlns:tools="http://schemas.android.com/tools"
android:layout_width="match_parent"
android:layout_height="match_parent"
android:orientation="vertical"
tools:context=".MainActivity">
<TableRow
    android:id="@+id/tableRow1"
    android:layout_width="match_parent"
    android:layout_height="wrap_content">

    <TextView
        android:layout_width="match_parent"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:gravity="center"
        android:text="Cộng trừ nhân chia"
        android:textColor="#2f87ff"
        android:textSize="28sp" />
</TableRow>
<TableRow
    android:id="@+id/tableRow2"
```

```
        android:layout_width="match_parent"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:weightSum="3">
        <TextView
            android:id="@+id/textView1"
            android:layout_width="0dp"
            android:layout_height="wrap_content"
            android:layout_weight="1"
            android:text="Số A" />
        <EditText
            android:id="@+id/editSoA"
            android:layout_width="0dp"
            android:layout_height="48dp"
            android:layout_weight="2"
            android:hint="Nhập số a">
            <requestFocus />
        </EditText>
    </TableRow>
    <TableRow
        android:id="@+id/tableRow3"
        android:layout_width="match_parent"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:weightSum="3">
        <TextView
            android:id="@+id/textView2"
            android:layout_width="0dp"
            android:layout_height="wrap_content"
            android:layout_weight="1"
            android:text="Số B" />
        <EditText
            android:id="@+id/editSoB"
            android:layout_width="0dp"
            android:layout_height="48dp"
            android:layout_weight="2"
            android:hint="nhập số B" />
    </TableRow>
    <TableRow
        android:id="@+id/tableRow4"
        android:layout_width="match_parent"
        android:layout_height="wrap_content">

        <Button
            android:id="@+id/btnCong"
            android:layout_width="0dp"
            android:layout_height="wrap_content"
            android:layout_weight="1"
            android:onClick="tong2So"
            android:text="Cộng" />
        <Button
```

```
        android:id="@+id/btnTru"
        android:layout_width="0dp"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:layout_weight="1"
        android:onClick="hieuh2So"
        android:text="Trừ" />
    <Button
        android:id="@+id/btnNhan"
        android:layout_width="0dp"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:layout_weight="1"
        android:onClick="nhan2So"
        android:text="Nhân" />
    <Button
        android:id="@+id/btnChia"
        android:layout_width="0dp"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:layout_weight="1"
        android:onClick="chia2So"
        android:text="Chia" />
</TableRow>
<TableRow
    android:id="@+id/tableRow5"
    android:layout_width="match_parent"
    android:layout_height="wrap_content">
    <TextView
        android:id="@+id/txtKetQua"
        android:layout_width="match_parent"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:layout_gravity="center"
        android:background="#ffffbb9"
        android:gravity="center"
        android:text="Ket qua"
        android:textColor="#3973ff"
        android:textSize="28sp" />
</TableRow>
</LinearLayout>
```

**Hướng dẫn phần xử lý nghiệp vụ.** Thực hiện tương tự như phần lý thuyết tạo các phương thức có tên trùng với chuỗi gán cho phương thức onClick của nút lệnh tương ứng

```
public class MainActivity extends AppCompatActivity {

    //khai báo các biến tương ứng điều khiển giao diện
    @Override
    protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.activity_main);
    }
}
```

```
        getWidget();  
    }  
  
    /**  
     * thực hiện ánh xạ các điều khiển qua findViewById  
     */  
    private void getWidget() {  
        //Xử lý nghiệp vụ ánh xạ các Button và EditText  
    }  
  
    /**  
     * phương thức tương ứng của nút lệnh btnCong  
     */  
    public void tong2So(View V) {  
        //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số  
    }  
    /**  
     * phương thức tương ứng của nút lệnh btnTru  
     */  
    public void hieu2So(View V) {  
        //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số  
    }  
    /**  
     * phương thức tương ứng của nút lệnh btnNhan  
     */  
    public void nhan2So(View V) {  
        //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số  
    }  
    /**  
     * phương thức tương ứng của nút lệnh btnChia  
     */  
    public void chia2So(View V) {  
        //xử lý nghiệp vụ tính tổng 2 số  
    }  
}
```

### Bài tập 3.2. Giải phương trình bậc 2

Thiết kế giao diện theo mẫu sau để giải phương trình bậc 2. Người dùng nhập vào các hệ số của phương trình thông qua 3 ô EditText.

Nút lệnh: giải phương trình: Thực hiện giải phương trình bậc hai và hiển thị kết quả trong ô hiển thị phía dưới nút lệnh

Nút lệnh: Tiếp tục: xóa trắng các text trong các ô nhập

Nút Thoát: Đóng cửa sổ nhập liệu.

Giải phương trình bậc 2	
Nhập a:	<input type="text" value="2"/>
Nhập b:	<input type="text" value="5"/>
Nhập c:	<input type="text" value="3"/>
<div>Tiếp tục      Giải PT      Thoát</div>	
Pt có 2 No: $x_1 = -1.50$ ; $x_2 = -1.50$	

**Hướng dẫn thực hiện:** Thực hiện tương tự như Bài tập 1

### Bài tập 3.3. Ý nghĩa Adapter?

Adapter đóng vai trò gì trong việc hiển thị dữ liệu lên các container.

### Bài tập 3.4. Ý nghĩa custom layout

Để hiển thị giao diện tùy biến (custom layout) đáp ứng nhu cầu của khách hàng thông thường thông qua mấy bước. Nêu tóm tắt các bước.

### Bài tập 3.5. Phân biệt các container thường dùng

ListView, Recycle View và spinner giống nhau và khác nhau thế nào về mục đích sử dụng

### Bài tập 3.6. Ý nghĩa của điều khiển DatePicker, TimePicker

DatePicker và timePicker dùng làm gì. Có nên kéo thả các điều khiển này ra màn hình thiết kế luôn không. Vì sao.